

Thứ năm, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục duy trì sắc xanh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/3/2023		•	
Tuần 27/3-31/3/2023		•	
Tháng 03/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường bật tăng ngay từ khi mở cửa phiên sáng, tuy nhiên khi tiến đến vùng 1,065, lực bán đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,059.44 điểm, tăng nhẹ ba điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 10/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí và Bất động sản dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp, áp lực chốt lãi đã xuất hiện rõ ràng ở vùng giá giá cao. VN-Index có thể trải qua những phiên rung lắc tại ngưỡng 1,060 điểm. Nhà đầu tư nên thận trọng khi mua đuổi và sẵn sàng canh mua ở những nhịp điều chỉnh ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo xu hướng vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/03/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+3.11** điểm, đóng cửa **1059.44** điểm. HNX-Index **+0.36** điểm, đóng cửa **205.95** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.73)**, **VCB (+0.47)**, **HDB (+0.39)**, **VRE (+0.37)**, **STB (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-0.26)**, **GAS (-0.19)**, **SHB (-0.15)**, **HVN (-0.11)**, **POW (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,656** tỷ đồng, tăng **32.18%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,043 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.34 điểm. Thị trường có **190** mã tăng, 77 mã tham chiếu, **176** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-412.33** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-286.97 tỷ)**, **SSI (-77.16 tỷ)**, **DGW (-70.36 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-8.07** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1059.44**

Giá trị: 9655.89 tỷ **3.11 (0.29%)**

Khối ngoại (ròng): -412.33 tỷ

HNX-INDEX **205.95**

Giá trị: 992.66 tỷ **0.36 (0.17%)**

Khối ngoại (ròng): -8.07 tỷ

UPCOM-INDEX **76.49**

Giá trị: 293.41 tỷ **-0.24 (-0.31%)**

Khối ngoại (ròng): -1.79 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	73.4	0.57%
Giá vàng	1,967	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,477	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,514	0.17%
Tỷ giá JPY/VND	177	-0.10%
LS liên NH 1 tháng	4.4%	-1.86%
LS TPCP 5 năm	3.8%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	76.13	STB	-286.97
VHM	37.43	SSI	-77.16
DXG	31.51	DGW	-70.36
VNM	24.57	VPB	-65.40
PLX	15.97	VND	-58.07

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 29/3

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	72.83	-0.51%	2.71%	-6.43%	-31.09%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	78.11	-0.69%	1.85%	-7.36%	-28.10%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.66	-2.06%	2.43%	-0.69%	-17.78%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1964.31	-0.48%	-0.27%	6.94%	1.62%		PNJ
Bạc	Ounce	23.33	0.31%	1.32%	11.12%	-6.10%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1477.25	0.65%	1.98%	-1.14%	-11.22%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	704.75	0.71%	6.22%	-0.74%	-31.11%	AFX	
Sữa	Cwt	18.06	0.06%	0.11%	1.75%	-23.02%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	133.40	0.00%	2.38%	-5.39%	-23.16%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	LB	376.00	-0.86%	3.72%	12.07%	-48.49%	VNM, GTN	SBT, LSS
Chè	Kg	17.71	-0.23%	2.61%	1.06%	11.25%		
Cà phê	LB	169.70	-2.33%	-4.66%	-8.42%	-23.51%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	4.08	-0.05%	0.80%	-1.94%	-14.06%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	4145.00	0.58%	-0.22%	-1.31%	-17.48%		HPG
Nhôm	Ton	2387.00	-0.08%	4.40%	-1.83%	-32.78%	CAV, SAM	
Quặng sắt	Ton	124.50	1.63%	-1.97%	-2.73%	-15.59%	HPG	
Than đá	Ton	176.50	0.14%	1.44%	-8.07%	-31.59%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent lúc đóng cửa giảm 37 cent, tương đương 0.5%, xuống 78.28 USD/thùng, trong khi dầu thô Trung cấp Tây Texas (WTI) giảm 23 cent, tương đương 0.3%, xuống 72.97 USD.
- Giá dầu giảm nhẹ vào thứ Tư khi các nhà đầu tư tìm kiếm lợi nhuận sau hai ngày giá tăng liên tiếp và khi thị trường tranh luận về tình trạng khan hiếm nguồn cung.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.3% xuống 1,967.29 USD/ounce. Giá vàng Mỹ kỳ hạn tháng 4 giảm 0.3% xuống 1,966.90 USD.
- Giá vàng giảm vào thứ Tư do thị trường chứng khoán tăng điểm và đồng USD mạnh hơn gây sức ép lên vàng.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc phiên giao dịch ở mức tăng 1.5% lên 890.5 nhân dân tệ (129.26 USD)/tấn. Trên Sàn giao dịch Singapore, hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5 ít thay đổi, ở mức 121.30 USD/tấn, sau ba phiên tăng liên tiếp.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tại Đại Liên kéo dài mức tăng phiên thứ ba liên tiếp, được củng cố bởi triển vọng nguồn cung nguyên liệu sản xuất thép chặt chẽ hơn và sự lạc quan về nhu cầu thép ở Trung Quốc.

Giá nông sản

- Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 giảm 15 USD, tương đương 0.7%, xuống 2,170 USD/tấn. Cà phê arabica giao tháng 5 giảm 4.05 cent, tương đương 2.3%, xuống 1.697 USD/lb, thấp nhất trong hai tháng.

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/16/2023	GVR	15.00	16.90	14.00	14.70	14.00	-2.00%	Có thể tiếp tục mua
3/7/2023	HPG	21.10	24.00	19.80	20.80	23.00	-1.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/2/2023	DDV	8.60	10.00	8.00	8.50	28.00	-1.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

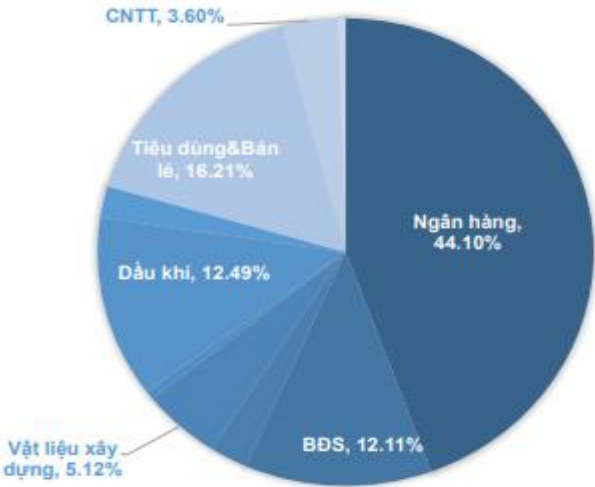
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	3	0.00%	-1.53%	-1.53%	22
Cổ phiếu đã chốt	251	232	7.01%	-7.45%	3.97%	23

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	92.7	0.4%	0.9	18,684	1.6	7,311	12.7	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	46.2	0.0%	1.0	9,953	1.4	4,208	11.0	54,578	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	29.0	0.0%	1.3	5,936	1.8	-			28.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.9	0.0%	1.2	5,976	13.8	-			17.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	0.8%	1.1	3,538	2.2	4,640	5.3	26,000	30.0%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	-0.3%	1.5	3,524	7.0	4,603	4.0	24,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	26.0	2.6%	1.3	2,088	43.6	4,880	5.3	31,200	28.4%	Link
SSI	Chứng khoán	21.0	-0.5%	1.7	1,338	20.7				44.0%	Link
GVR	BDS KCN						1,217		19,100		Link
HPG	Vật liệu xây dựng	20.8	0.0%	1.7	5,151	18.6	1,916	10.9	25,000	23.5%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	16.2	-1.8%	2.3	414	13.1	1,896	8.5	18,500	16.3%	Link
VHM	BDS	49.6	3.2%	0.8	9,189	3.5	5,227	9.5	68,300	24.2%	Link
VRE	BDS	29.9	2.2%	1.2	2,894	9.1	1,576	19.0	31,800	33.0%	Link
NLG	BDS	25.0	-0.8%	1.5	410	1.0	2,557	9.8	38,700	44.5%	Link
DPM	Phân bón	33.6	0.0%	1.2	561	1.3	14,120	2.4	42,000	18.6%	Link
GAS	Dầu khí	102.4	-0.4%	0.6	8,347	0.6	6,793	15.1	122,300	3.0%	Link
PLX	Dầu khí	36.9	2.5%	1.1	1,997	2.5	2,625	14.1	42,000	17.7%	Link
BSR	Dầu khí	15.3	-1.3%	1.5	0	2.9	2,292	6.7	18,400	0.0%	Link
PVS	Dầu khí	25.3	0.0%	1.2	515	3.5	1,340	18.9	31,100	20.9%	Link
PVT	Dầu khí	20.9	1.5%	1.2	288	2.7	2,929	7.1	24,300	18.3%	Link
POW	Tiện ích	13.2	-1.1%	1.1	1,317	3.2	993	13.3	13,000	7.8%	Link
REE	Tiện ích	67.3	0.1%	0.9	1,019	0.3	7,698	8.7	85,000	49.0%	Link
VNM	Tiêu dùng	75.0	0.1%	0.5	6,676	2.7	3,895	19.3	87,600	55.8%	Link
MSN	Tiêu dùng	79.2	0.5%	1.2	4,802	3.7	2,605	30.4	96,000	30.6%	Link
MWG	Bán lẻ	38.6	-0.3%	1.5	2,406	4.4	3,456	11.2	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	77.7	0.9%	0.8	1,085	1.1	7,475	10.4	95,000	49.0%	Link
FRT	Bán lẻ	61.7	-2.5%	1.6	311	4.2	2,965	20.8	77,100	28.9%	Link
VHC	Thủy sản	53.4	0.0%	1.2	417	0.3	12,800	4.2	67,500	30.6%	Link
GMD	Logistics	51.3	0.8%	0.5	658	1.2	7,059	7.3	57,000	49.0%	Link
FPT	Công nghệ	79.1	0.1%	0.8	3,696	1.4	5,901	13.4	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
22	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
23	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
24	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
25	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
27	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
31	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
34	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
37	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
40	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
41	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
43	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
44	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639